|  |  |
| --- | --- |
| **...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: / | *\_\_\_, ngày … tháng … năm …* |

**TỜ TRÌNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu *…* gói thầu của nhiệm vụ “…”, mã số ... thuộc Chương trình ...**

**Kính gửi:BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**(thông qua Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia)**

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp,tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

[*Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-BKHCN ngày ..../..../.... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệtphê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ*];

*Căn cứ Hợp đồng [nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ] số […….] ngày […]/[…]/[…];*

*...* kính trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

**I. Mô tả tóm tắt nhiệm vụ:**

- Tên nhiệm vụ : …..;

- Tổng kinh phí : .....

(*Trong đó : NSSN:*  ..... *& Nguồn khác:* …………………*)*

- Tên bên mời thầu: .....;

- Thời gian thực hiện nhiệm vụ: .....;

- Địa điểm tổ chức lựa chọn nhà thầu: .....;

- Địa điểm cung cấp/ thực hiện gói thầu: ……………………;

**II. Phần công việc đã thực hiện**

(*Bảng này liệt kê nội dung, giá trị và kết quả lựa chọn nhà thầu sau khi thực hiện của toàn bộ các gói thầu sử dụng NSNN được Bộ KH&CN phê duyệt KHLCNT tính từ lúc bắt đầu triển khai đến thời điểm hiện tại*)

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc hoặc tên gói thầu(1)** | **Đơn vị thực hiện(2)** | **Giá gói thầu** | **Giá trúng thầu** | **Văn bản phê duyệt(3)** |
| .... | ..... | ..... | ..... |  |  |
| **Tổng giá trị** *(kết chuyển sang Bảng số 5)****:*** | | |  |  |  |

Ghi chú:

*(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.*

*(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.*

*(3) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,…).*

**III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu năm 20.. / 20... – 20...**

(*Bảng này liệt kê các nội dung phần công việc mua sắm sử dụng NSNN mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu nằm trong nội dung mua sắm nguyên vật liệu, hóa chất, máy móc thiết bị, thuê dịch vụ không khoán chi của (những) năm đang xét kế hoạch, ví dụ như:*

*+ Một số nội dung mua sắm có giá trị không quá 20 triệu đồng: thuộc trường hợp đặc biệt trong mua sắm thường xuyên;*

*+ Một số nội dung mua sắm chỉ thực hiện được thông qua hình thức mua thu gom tại hộ gia đình/mua riêng lẻ phải lựa chọn theo các tiêu chuẩn đặc thù, đặc biệt…)*

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc(1)** | **Đơn vị thực hiện(2)** | **Giá trị (3)** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| **Tổng giá trị** *(kết chuyển sang Bảng số 5)****:*** | | |  |

Ghi chú:

*(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.*

*(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có)*

*(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.*

**IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 20... / 20... – 20...**

**1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên gói thầu** | **Giá gói thầu** | **Nguồn vốn** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu** | **Loại hợp đồng** | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| … | **…..** | **…..** | **…..** | **…..** | **…..** | **…..** | **…..** | **…..** |
| **Tổng giá các gói thầu:** *(kết chuyển sang Bảng số 5)****:***  *(Bằng chữ:.....................................................)* | | | | | | | | |

**2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

2.1. Cơ sở phân chia các gói thầu: .....................(*giải trình cơ sở phân chia nhiệm vụ thành các gói thầu. Việc phân chia nhiệm vụ thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung nhiệm vụ, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:*

*+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của nhiệm vụ, không được chia những công việc của nhiệm vụ thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;*

*+ Đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ;*

*+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của nhiệm vụ, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);*

*Việc chia nhiệm vụ thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu).*

2.2. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Gói thầu số ...: .....
   1. Giá gói thầu: .....
   2. Hình thức lựa chọn nhà thầu: .....
   3. Phương thức lựa chọn nhà thầu: .....
   4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: từ … - ...

đ) Loại hợp đồng: …..

e) Thời gian thực hiện hợp đồng: …

*(Trong trường hợp phê duyệt KHLCNT đối với nhiều gói thầu, đề nghị phân tách, giải trình cụ thể lại các mục (a), (b), (c), (d), (đ), (e) đối với từng gói thầu)*

2.3 Giải trình bổ sung, hiệu chỉnh

[*Đề nghị Tổ chức chủ trì bám sát theo dự toán đã được phê duyệt,Nếu trong quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu mà danh mục hàng hóa không đảm bảo để triển khai công tác đấu thầumà bắt buộc phải hiệu chỉnh, làm rõthì Tổ chức chủ trì cần có kiến nghị làm rõ danh mục hàng hóađể tránh nhầm lẫn dẫn đến nhà thầu hiểu sai về hàng hòa; cầnxây dựng quy cách kỹ thuật rõ ràng, trung tính và tổng hợp, cũng như mô tả hàng hóa với sự chính xác và chi tiết hợp lý để hỗ trợ cho cạnh tranh, tránh rườm rà, không rõ ràng; không đưa các yêu cầu về nhãn hiệu, số hiệu của hàng hóa,... Đảm bảo rằng Tổ chức chủ trì có được hàng hóa đúng như mô tả trong quy cách kỹ thuật phục vụ trong công việc của mình; tối đa hóa cạnh tranh và cho phép đánh giá hồ sơ dự thầu một cách công bằng, khách quan, minh bạch. Bên cạnh đó, Tổ chức chủ trì cần có cam kết những nội dung được đề xuất điều chỉnh không làm thay đổi nội dung, mục tiêu, sản phẩm và kinh phí của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Trong kiến nghị về hạng mục bổ sung, điều chỉnh cần thể hiện được hạng mục trước và sau điều chỉnh và ở nội dung/công việc nào của nhiệm vụ và giải trình rõ lý do điều chỉnh]*

**V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 20../20..-20...** *(nếu có)*

(*Bảng này liệt kê các nội dung thuộc phần công việc mua sắm sử dụng NSNN sẽ phải thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu nhưng chưa đủ điều kiện để thực hiện tại thời điểm trình phê duyệt KHLCNT đang xét, ví dụ như:*

*+ Một số nội dung mua sắm hàng hóa/ thiết bị máy móc nhưng chưa xác định được thông số kỹ thuật (cần dựa vào kết quả nghiên cứu đang/ sẽ thực hiện...*)

**Bảng số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Nguyên vật liệu |  |
| 2 | Thiết bị, máy móc |  |
| ... |  |  |
| **Tổng giá trị các phần công việc** *(kết chuyển sang Bảng số 5)****:*** | |  |

**VI. Tổng giá trị các phần công việc năm 20../20..-20..**

**Bảng số 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện | *(theo tổng giá trị tại Bảng số 1)* |
| 2 | Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu năm 20.. / 20... – 20... | *(theo tổng giá trị tại Bảng số 2)* |
| 3 | Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 20... / 20... – 20... | *(theo tổng giá trị tại Bảng số 3)* |
| 4 | Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu năm 20../20..-20... (nếu có) | *(theo tổng giá trị tại Bảng số 4)* |
| **Tổng giá trị các phần công việc năm 20../20..-20..** | | *(bằng tổng giá trị tại hàng 2+3+4 thuộc bảng này)* |

**VII. Tài liệu kèm theo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| *…* | *…..* |  |

**VIII. Kiến nghị**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Click here to enter text.kính trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Click here to enter text. gói thầu của [đề tài/dự án/nhiệm vụ/nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư] “Click here to enter text.”, mã số Click here to enter text. thuộc Chương trình Click here to enter text.

Kính trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: VT. | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA BÊN MỜI THẦU**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**DANH MỤC CHI TIẾT ... GÓI THẦU**

**THUỘC NHIỆM VỤ MÃ SỐ ...**

*(Kèm theo Tờ trình số:......, ngày ...... tháng .....năm .... của [Tổ chức chủ trì])*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Gói thầu số …: .....** | | | | | |
| **TT** | **Tên hạng mục** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| ... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| **Giá gói thầu: ….. triệu đồng.**  ***(****Bằng chữ:)./.....* | | | | | |